CÂU HỎI CUỘC THI

I. QUYẾT ĐỊNH SỐ 2072 /QĐ-UBND NGÀY 12/5/2026 CỦA UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG BAN HÀNH KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

(21 câu)

Câu 1. Theo Quyết định số 2072 /QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng thì Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm được thực hiện trong giai đoạn nào?

A. 2021–2025
B. 2025–2030
C. 2026–2030
D. 2026–2035

Câu 2. Theo Quyết định số 2072 /QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch cải cách hành chính thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 – 2030 thì Mục tiêu chung của Kế hoạch hướng đến xây dựng nền hành chính như thế nào?

A. Tập trung, bao cấp, thủ công
B. Dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả
C. Chỉ tập trung vào chuyển đổi số
D. Chỉ tập trung vào cải cách thủ tục hành chính

Câu 3. Theo Quyết định số 2072 /QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch cải cách hành chính thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 – 2030 thì Kế hoạch yêu cầu nâng cao vai trò, trách nhiệm của đối tượng nào?

A. Người đứng đầu
B. Người dân
C. Doanh nghiệp
D. Cơ quan báo chí

Câu 4. Theo Quyết định số 2072 /QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch cải cách hành chính thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 – 2030 thì trong cải cách hành chính, người dân và doanh nghiệp được xác định là:

A. Đối tượng quản lý chủ yếu
B. Trung tâm, chủ thể và mục tiêu cải cách
C. Đối tượng tuyên truyền
D. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Câu 5. Theo Quyết định số 2072 /QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch cải cách hành chính thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 – 2030 thì thước đo để đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước là:

A. Số lượng văn bản ban hành
B. Số lượng cán bộ, công chức
C. Sự hài lòng của người dân
D. Kinh phí hoạt động

Câu 6. Theo Quyết định số 2072 /QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch cải cách hành chính thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 – 2030 thì trong giai đoạn 2026–2027, Kế hoạch đặt mục tiêu tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia là:

A. 80%
B. 90%
C. 95%
D. 100%

Câu 7. Theo Quyết định số 2072 /QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch cải cách hành chính thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 – 2030 thì Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử giai đoạn 2026–2027 phải đạt:

A. 70%
B. 80%
C. 90%
D. 100%

Câu 8. Theo Quyết định số 2072 /QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch cải cách hành chính thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 – 2030 thì mục tiêu tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2026–2027 là:

A. 80%
B. 85%
C. 90%
D. 95%

Câu 9. Theo Quyết định số 2072 /QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch cải cách hành chính thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 – 2030 thì Thành phố phấn đấu thuộc Top bao nhiêu địa phương

dẫn đầu về Chỉ số giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp?

A. Top 3
B. Top 5
C. Top 10
D. Top 15

Câu 10. Theo Quyết định số 2072 /QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch cải cách hành chính thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 – 2030 thì đối với các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư, mức độ hài lòng phải đạt tối thiểu:

A. 80%
B. 85%
C. 90%
D. 95%

Câu 11. Theo Quyết định số 2072 /QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch cải cách hành chính thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 – 2030 thì Đến năm 2030, tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công phải đạt:

A. 70%
B. 80%
C. 90%
D. 100%

Câu 12. Theo Quyết định số 2072 /QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch cải cách hành chính thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 – 2030 thì Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đến năm 2030 được đặt mục tiêu:

A. 60%
B. 70%
C. 80%
D. 90%

Câu 13. Theo Quyết định số 2072 /QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch cải cách hành chính thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 – 2030 thì Mức độ hài lòng của người dân đối với cung cấp dịch vụ y tế đến năm 2030 phải đạt tối thiểu:

A. 80%
B. 85%
C. 90%
D. 95%

Câu 14. Theo Quyết định số 2072 /QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch cải cách hành chính thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 – 2030 thì Mức độ hài lòng của người dân đối với cung cấp dịch vụ giáo dục công lập đến năm 2030 phải đạt tối thiểu:

A. 80%
B. 85%
C. 90%
D. 95%

Câu 15. Theo Quyết định số 2072 /QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch cải cách hành chính thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 – 2030 xác định cải cách thể chế là:

A. Một nhiệm vụ phụ
B. "Đột phá của đột phá"
C. Nhiệm vụ riêng của ngành Tư pháp
D. Nhiệm vụ chỉ thực hiện trong năm 2026

Câu 16. Theo Quyết định số 2072 /QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch cải cách hành chính thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 – 2030 thì việc rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính phải gắn với:

A. Tăng biên chế
B. Sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và dựa trên dữ liệu
C. Tăng số lượng giấy tờ
D. Tăng số lần người dân đi lại

Câu 17. Theo Quyết định số 2072 /QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch cải cách hành chính thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 – 2030 thì Việc cắt giảm các mẫu đơn, tờ khai được thực hiện trên cơ sở:

A. Tăng yêu cầu giấy tờ

B. Khai thác, sử dụng hiệu quả dữ liệu có sẵn

C. Người dân tự cung cấp lại mọi thông tin

D. Không sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia

Câu 18. Theo Quyết định số 2072 /QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch cải cách hành chính thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 – 2030 thì Việc rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước nhằm mục tiêu:

A. Tăng đầu mối tổ chức

B. Bảo đảm đồng bộ, thống nhất, rõ ràng, không chồng chéo

C. Tăng thủ tục nội bộ

D. Tăng biên chế

Câu 19. Theo Quyết định số 2072 /QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch cải cách hành chính thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 – 2030 thì Phân cấp, phân quyền nhằm góp phần xóa bỏ cơ chế nào?

A. Một cửa

B. Xin – cho

C. Liên thông

D. Trực tuyến

Câu 20. Theo Quyết định số 2072 /QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch cải cách hành chính thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 – 2030 thì Đối với người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật, mất uy tín với nhân dân, Kế hoạch yêu cầu có cơ chế:

A. Bỏ qua

B. Loại bỏ, bãi miễn theo quy định

C. Khen thưởng

D. Chuyển sang cơ quan khác ngay

Câu 21. Theo Quyết định số 2072 /QĐ-UBND ngày 12/5/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kế hoạch cải cách hành chính thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 – 2030 thì Dữ liệu được khai thác, sử dụng hiệu quả trong Kế hoạch phải bảo đảm nguyên tắc:

A. "Đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung"

B. "Nhanh, nhiều, rộng, mạnh"

C. "Một lần, một nơi"

D. "Giấy tờ, thủ công, trực tiếp"

II. QUYẾT ĐỊNH SỐ 573/QĐ-UBND NGÀY 29/5/2026 CỦA UBND PHƯỜNG HỘI AN ĐÔNG VỀ BAN HÀNH KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH PHƯỜNG HỘI AN ĐÔNG GIAI ĐOẠN 2026-2030

(19 câu)

Câu 1: Theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND phường Hội An Đông về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính phường Hội An Đông giai đoạn 2026-2030. Cơ quan nào của phường Hội An Đông là cơ quan thường trực giúp UBND phường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch Cải cách hành chính giai đoạn 2026 - 2030?

A. Văn phòng HĐND và UBND phường

B. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường

C. Phòng Văn hóa - Xã hội phường

D. Trung tâm Phục vụ hành chính công phường

Câu 2: Theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND phường Hội An Đông về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính phường Hội An Đông giai đoạn 2026-2030. Mục tiêu cụ thể về tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử giai đoạn 2026 - 2027 phải đạt bao nhiêu phần trăm?

A. 90%

B. 95%

C. 98%

D. 100%

Câu 3: Theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND phường Hội An Đông về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính phường Hội An Đông giai đoạn 2026-2030. Trong giai đoạn 2026 - 2027, phường Hội An Đông phấn đấu đạt bao nhiêu phần trăm cấp độ mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu?

A. 80% cấp độ 3

B. 100% cấp độ 3

C. 100% cấp độ 4

D. 90% cấp độ 4

Câu 4: Theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND phường Hội An Đông về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính phường Hội An Đông giai đoạn 2026-2030. Đến giai đoạn 2028 - 2030, tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt tối thiểu bao nhiêu phần trăm?

A. 80%

B. 85%

C. 90%

D. 100%

Câu 5: Theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND phường Hội An Đông về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính phường Hội An Đông giai đoạn 2026-2030. Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS) trong giai đoạn 2028 - 2030 phấn đấu đạt tối thiểu bao nhiêu phần trăm?

A. 90%

B. 92%

C. 95%

D. 100%

Câu 6: Theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND phường Hội An Đông về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính phường Hội An Đông giai đoạn 2026-2030. Trong giai đoạn 2028 - 2030, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu bao nhiêu phần trăm?

A. 85%

B. 90%

C. 95%

D. 100%

Câu 7: Theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND phường Hội An Đông về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính phường Hội An Đông giai đoạn 2026-2030. Theo nội dung nhiệm vụ trọng tâm về xây dựng chính quyền số, Đề án thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Hội An Đông có mốc thời gian định hướng đến năm nào?

A. Năm 2028

B. Năm 2029

C. Năm 2030

D. Năm 2035

Câu 8: Theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND phường Hội An Đông về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính phường Hội An Đông giai đoạn 2026-2030. Cơ quan nào được giao chủ trì tham mưu nội dung cải cách tài chính công và quản lý tài sản công của phường?

A. Phòng Văn hóa - Xã hội phường

B. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường

C. Trung tâm Phục vụ hành chính công phường

D. Văn phòng HĐND và UBND phường

Câu 9: Theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND phường Hội An Đông về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính phường Hội An Đông giai đoạn 2026-2030. Cơ quan nào chịu trách nhiệm chủ trì tham mưu nội dung cải cách thủ tục hành chính, tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông?

A. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường

B. Trung tâm Phục vụ hành chính công phường

C. Phòng Văn hóa - Xã hội phường

D. Trung tâm cung ứng dịch vụ công của Phường

Câu 10: Theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND phường Hội An Đông về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính phường Hội An Đông giai đoạn 2026-2030. Hệ thống quản lý chất lượng nào được áp dụng trong giải quyết thủ tục hành chính tại phường theo Kế hoạch?

A. Tiêu chuẩn ISO 9001:2008

B. Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015

C. Tiêu chuẩn ISO/IEC 27001

D. Tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2010

Câu 11: Theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND phường Hội An Đông về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính phường Hội An Đông giai đoạn 2026-2030. Theo Phụ lục danh mục nhiệm vụ trọng tâm, thời hạn hoàn thành việc xây dựng "Kế hoạch CCHC hằng năm" của UBND phường là trước ngày tháng nào hàng năm?

A. Trước ngày 15/12

B. Trước ngày 20/12

C. Trước ngày 25/12

D. Trước ngày 31/12

Câu 12: Theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND phường Hội An Đông về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính phường Hội An Đông giai đoạn 2026-2030. việc xây dựng "Kế hoạch tuyên truyền CCHC giai đoạn 2026 - 2030" được thực hiện vào thời gian nào?

A. Quý I năm 2026

B. Quý II năm 2026

C. Quý III năm 2026

D. Quý IV năm 2026

Câu 13: Theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND phường Hội An Đông về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính phường Hội

An Đông giai đoạn 2026-2030. Trong giai đoạn 2028 - 2030, cấp độ trưởng thành về quản trị dữ liệu mà phường đặt ra mục tiêu đạt được là bao nhiêu phần trăm?

A. 80% cấp độ 4

B. 90% cấp độ 4

C. 100% cấp độ 4

D. 100% cấp độ 5

Câu 14: Theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND phường Hội An Đông về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính phường Hội An Đông giai đoạn 2026-2030. Trong giai đoạn 2028 - 2030, tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt tối thiểu bao nhiêu phần trăm?

A. 80%

B. 85%

C. 90%

D. 95%

Câu 15: Theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND phường Hội An Đông về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính phường Hội An Đông giai đoạn 2026-2030. Đơn vị nào được phân công phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội và các cơ quan liên quan trong việc thực hiện phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số gắn với công tác phổ biến kỹ năng số cho người dân?

A. Đoàn Thanh niên phường

B. Hội Phụ nữ phường

C. Hội Cựu chiến binh phường

D. Ban Chỉ huy Quân sự phường

Câu 16: Theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND phường Hội An Đông về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính phường Hội

An Đông giai đoạn 2026-2030. Theo Kế hoạch, 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng các chức năng về hồ sơ công việc, trình, ký số, xử lý văn bản hoàn toàn trên môi trường điện tử nhằm chuyển sang phương thức xử lý công việc gì?

A. "Không giấy tờ"

B. "Trực tuyến toàn trình"

C. "Tự động hóa"

D. "Điện tử tập trung"

Câu 17: Theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND phường Hội An Đông về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính phường Hội An Đông giai đoạn 2026-2030. Nội dung nào sau đây không nằm trong các nhóm nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm của Kế hoạch Cải cách hành chính phường Hội An Đông?

A. Cải cách thể chế và cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

B. Cải cách chế độ công vụ và cải cách tài chính công

C. Cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội toàn dân

D. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

Câu 18: Theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND phường Hội An Đông về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính phường Hội An Đông giai đoạn 2026-2030. Mô hình nào được đề cập trong Kế hoạch nhằm phát huy hiệu quả phục vụ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công phường ngoài mô hình "Đại lý dịch vụ công trực tuyến"?

A. Mô hình "Ngày hội chuyển đổi số"

B. Mô hình "Thứ 7 vì dân phục vụ"

C. Mô hình "Giờ làm việc linh hoạt"

D. Mô hình "Ngày hội tiếp dân"

Câu 19: Theo Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND phường Hội An Đông về ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính phường Hội

An Đông giai đoạn 2026-2030. Văn bản nào là căn cứ pháp lý quan trọng nhất của Chính phủ được nêu đầu tiên về việc ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030?

A. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021

B. Nghị định số 45/2020/NĐ-CP

C. Nghị định số 118/2025/NĐ-CP

D. Quyết định số 282/QĐ-TTg

III. NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW NGÀY 22/12/2024 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA
(43 câu)

Câu 1. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia được xác định là gì?

A. Một nhiệm vụ thường xuyên của riêng ngành khoa học

B. Đột phá quan trọng hàng đầu, động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại

C. Một chương trình thí điểm trong giai đoạn 2025–2030

D. Một nhiệm vụ chỉ tập trung ở Trung ương

Câu 2. Theo quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì ai là trung tâm, chủ thể, nguồn lực và động lực chính của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia?

A. Nhà nước

B. Nhà khoa học

C. Người dân và doanh nghiệp

D. Các trường đại học

Câu 3. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì nhà khoa học được xác định là gì trong quá trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số?

A. Chủ thể duy nhất

B. Nhân tố then chốt

C. Nguồn lực phụ trợ

D. Cơ quan quản lý

Câu 4. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì Nhà nước giữ vai trò gì trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia?

A. Dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất

B. Trực tiếp thực hiện toàn bộ hoạt động nghiên cứu

C. Chỉ cấp kinh phí

D. Chỉ quản lý dữ liệu

Câu 5. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì nội dung nào là trọng tâm, cốt lõi của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số?

A. Thể chế, nhân lực, hạ tầng, dữ liệu và công nghệ chiến lược

B. Đất đai, tài chính, thương mại và du lịch

C. Giáo dục, y tế, văn hóa và thể thao

D. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại và tư pháp

Câu 6. Trong các nội dung trọng tâm, cốt lõi theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì yếu tố nào được xác định là điều kiện tiên quyết và cần hoàn thiện, đi trước một bước?

A. Nhân lực

B. Hạ tầng

C. Thể chế

D. Dữ liệu

Câu 7. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo hướng nào?

A. Không quản được thì cấm

B. Chỉ ưu tiên quản lý rủi ro

C. Bảo đảm yêu cầu quản lý và khuyến khích đổi mới sáng tạo, loại bỏ tư duy 'không quản được thì cấm'

D. Hạn chế tối đa thí điểm

Câu 8. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì phát triển hạ tầng số phải tuân thủ nguyên tắc nào?

A. Nhanh, rẻ, đơn giản

B. Hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí

C. Tập trung, bao cấp, khép kín

D. Tối đa hóa đầu tư công

Câu 9. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định dữ liệu cần được đưa thành gì?

A. Công cụ quản lý hành chính

B. Tài sản công duy nhất

C. Tư liệu sản xuất chính

D. Sản phẩm phụ của chuyển đổi số

Câu 10. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì đến năm 2030, Việt Nam phấn đấu thuộc nhóm bao nhiêu nước dẫn đầu Đông Nam Á về năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính phủ điện tử?

A. Nhóm 2

B. Nhóm 3

C. Nhóm 5

D. Nhóm 10

Câu 11. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì đến năm 2030, tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp phấn đấu đạt mức nào?

A. Trên 60%

B. Trên 70%

C. Trên 80%

D. 100%

Câu 12. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì đến năm 2030, tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt phấn đấu đạt bao nhiêu?

A. 60%

B. 70%

C. 80%

D. 90%

Câu 13. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì đến năm 2030, tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo phấn đấu đạt mức nào trong tổng số doanh nghiệp?

A. Trên 20%

B. Trên 30%

C. Trên 40%

D. Trên 50%

Câu 14. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

quốc gia thì đến năm 2030, nguồn nhân lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo phấn đấu đạt bao nhiêu người trên một vạn dân?

A. 8 người

B. 10 người

C. 12 người

D. 15 người

Câu 15. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì đến năm 2030, công nghệ nào sau đây được xác định là một trong những công nghệ số chiến lược cần từng bước làm chủ?

A. Trí tuệ nhân tạo

B. Công nghệ in ấn truyền thống

C. Cơ khí thủ công

D. Thủ công mỹ nghệ

Câu 16. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì đến năm 2030, mục tiêu về phủ sóng 5G được xác định như thế nào?

A. Phủ sóng tại các đô thị lớn

B. Phủ sóng tại các khu công nghiệp

C. Phủ sóng toàn quốc

D. Phủ sóng tại các trung tâm tỉnh

Câu 17. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì đến năm 2045, Việt Nam phấn đấu thuộc nhóm bao nhiêu nước dẫn đầu thế giới về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số?

A. 20

B. 30

C. 40

D. 50

Câu 18. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì đến năm 2045, tối thiểu có bao nhiêu doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến?

A. 5

B. 8

C. 10

D. 15

Câu 19. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì Người đứng đầu cấp ủy, tổ chức, cơ quan, đơn vị cần thực hiện trách nhiệm gì đối với chuyển đổi số?

A. Chỉ giao cấp dưới thực hiện

B. Trực tiếp phụ trách, chỉ đạo

C. Chỉ tham gia khi có yêu cầu

D. Chỉ kiểm tra cuối năm

Câu 20. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được sử dụng làm tiêu chí gì?

A. Chỉ để lập dự toán

B. Đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, thi đua, khen thưởng hằng năm

C. Chỉ để tuyển dụng

D. Chỉ để xếp lương

Câu 21. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì Phong trào nào được Nghị quyết yêu cầu triển khai sâu rộng nhằm phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ và kiến thức số?

A. Học tập suốt đời

B. Học tập số

C. Công dân kiểu mẫu

D. Khởi nghiệp quốc gia

Câu 22. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia yêu cầu việc tôn vinh, biểu dương, khen thưởng các nhà khoa học, nhà sáng chế, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích được thực hiện như thế nào?

A. Chỉ thực hiện 5 năm một lần

B. Kịp thời, xứng đáng

C. Chỉ thực hiện đối với cơ quan nhà nước

D. Chỉ thực hiện với công trình quốc tế

Câu 23. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra, cách tiếp cận nào được khuyến khích?

A. Chỉ áp dụng quy định cũ

B. Cách tiếp cận mở, vận dụng sáng tạo, cho phép thí điểm

C. Tạm dừng nghiên cứu

D. Không cho phép doanh nghiệp tham gia

Câu 24. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, đề cập việc chấp nhận yếu tố nào trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo?

A. Rủi ro, đầu tư mạo hiểm và độ trễ

B. Chỉ đầu tư an toàn

C. Chỉ nghiên cứu có lợi nhuận ngay

D. Không chấp nhận thử nghiệm

Câu 25. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì doanh nghiệp có thể được thử nghiệm công nghệ mới trong điều kiện nào?

A. Không cần giám sát

B. Có sự giám sát của Nhà nước

C. Chỉ khi có vốn nước ngoài

D. Chỉ trong khu vực tư nhân

Câu 26. Trong phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia yêu cầu bố trí ít nhất bao nhiêu phần trăm ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học phục vụ nghiên cứu công nghệ chiến lược?

A. 5%

B. 10%

C. 15%

D. 20%

Câu 27. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định nguồn lực nhà nước trong phát triển hạ tầng số theo cơ chế hợp tác công tư có vai trò như thế nào?

A. Thứ yếu

B. Chủ yếu

C. Chỉ hỗ trợ kỹ thuật

D. Không tham gia

Câu 28. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia yêu cầu xây dựng và dùng chung các nền tảng số quốc gia, vùng nhằm mục đích chủ yếu nào?

A. Bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số

B. Thay thế toàn bộ doanh nghiệp công nghệ

C. Hạn chế chia sẻ dữ liệu

D. Chỉ phục vụ cơ quan Trung ương

Câu 29. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia định hướng phát triển mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên nguồn dữ liệu nào?

A. Dữ liệu cá nhân riêng lẻ

B. Dữ liệu lớn

C. Dữ liệu giấy

D. Dữ liệu không cấu trúc duy nhất

Câu 30. Để thu hút nhân tài, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đề cập cơ chế đặc biệt về nội dung nào sau đây?

A. Nhập quốc tịch, sở hữu nhà, đất, thu nhập và môi trường làm việc

B. Chỉ tăng tuổi nghỉ hưu

C. Chỉ miễn học phí

D. Chỉ hỗ trợ đi lại

Câu 30. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia định hướng xây dựng một số trường, trung tâm đào tạo tiên tiến chuyên sâu về lĩnh vực nào?

A. Du lịch

B. Trí tuệ nhân tạo

C. Nông nghiệp truyền thống

D. Nghệ thuật biểu diễn

Câu 31. Trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia yêu cầu có kế hoạch và lộ trình đưa hoạt động lên môi trường nào?

A. Môi trường giấy

B. Môi trường số

C. Môi trường thủ công

D. Môi trường độc lập, không liên thông

Câu 32. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, định hướng giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công theo hướng nào?

A. Phụ thuộc địa giới hành chính

B. Không phụ thuộc địa giới hành chính

C. Chỉ trực tiếp tại trụ sở

D. Chỉ qua hồ sơ giấy

Câu 33. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì dịch vụ công trực tuyến được định hướng phát triển theo hướng nào?

A. Toàn trình, cá nhân hóa và dựa trên dữ liệu

B. Chỉ cung cấp một phần

C. Chỉ phục vụ doanh nghiệp

D. Chỉ phục vụ cơ quan nhà nước

Câu 34. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì nhấn mạnh yêu cầu nào đối với an toàn, an ninh mạng và dữ liệu?

A. Chỉ áp dụng cho cơ quan nhà nước

B. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, chủ quyền quốc gia trên nền tảng số và không gian mạng, an ninh và an toàn dữ liệu hợp pháp

C. Chỉ tập trung vào dữ liệu doanh nghiệp

D. Không cần bảo vệ dữ liệu

Câu 35. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư vào nội dung nào?

A. Chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ

B. Chỉ mở rộng trụ sở

C. Chỉ tăng lao động thủ công

D. Chỉ đầu tư bất động sản

Câu 36. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do ai làm Trưởng Ban?

A. Thủ tướng Chính phủ

B. Chủ tịch Quốc hội

C. Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng

D. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

Câu 37. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì Hội đồng Tư vấn quốc gia về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có sự tham gia của lực lượng nào?

A. Chỉ cán bộ nhà nước

B. Các chuyên gia trong và ngoài nước

C. Chỉ doanh nghiệp trong nước

D. Chỉ các nhà khoa học trong nước

Câu 38. Theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thì Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò nào sau đây?

A. Chỉ tuyên truyền

B. Vận động Nhân dân thực hiện Nghị quyết, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách

C. Chỉ cấp kinh phí

D. Chỉ thực hiện nghiên cứu khoa học

IV. QUYẾT ĐỊNH SỐ 3292/QĐ-UBND NGÀY 30/12/2025 CỦA UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG VỀ VIỆC BAN HÀNH ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ

GÓP PHẦN THÚC ĐẨY, TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2026–2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2035 (13 câu)

Câu 1. Theo Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Đề án Chuyển đổi số góp phần thúc đẩy, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2035 thì chuyển đổi số trên thế giới hiện nay được xác định như thế nào?

A. Là hoạt động mang tính thử nghiệm, chưa cần triển khai rộng rãi

B. Là một lựa chọn của từng tổ chức, doanh nghiệp

C. Đã trở thành yếu tố sống còn đối với các tổ chức, doanh nghiệp

D. Chỉ là nhiệm vụ của cơ quan nhà nước

Câu 2. Theo Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Đề án Chuyển đổi số góp phần thúc đẩy, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2035 thì đô thị thông minh sử dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm gì?

A. Công cụ hỗ trợ riêng cho ngành công nghệ thông tin

B. Động lực cốt lõi để quy hoạch, xây dựng, quản lý và vận hành đô thị

C. Giải pháp thay thế hoàn toàn hoạt động quản lý nhà nước

D. Phương thức chủ yếu để phát triển thương mại điện tử

Câu 3. Theo Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Đề án Chuyển đổi số góp phần thúc đẩy, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2035 thì Mục tiêu của việc xây dựng đô thị thông minh theo Đề án hướng đến nội dung nào sau đây?

A. Chỉ nâng cao tốc độ phát triển kinh tế

B. Chỉ phát triển hạ tầng công nghệ

C. Nâng cao chất lượng dịch vụ, bảo đảm môi trường sống an toàn, nâng cao năng lực cạnh tranh và hướng tới phát triển đô thị bền vững

D. Tập trung xây dựng các khu công nghệ cao

Câu 4. Theo Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Đề án Chuyển đổi số góp phần thúc đẩy,

tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2035 thì Thành phố Đà Nẵng nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh tiêu biểu từ những địa phương nào?

A. Singapore, Thượng Hải và Busan
B. Tokyo, Seoul và Bangkok
C. Paris, London và New York
D. Bắc Kinh, Tokyo và Jakarta

Câu 5. Theo Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Đề án Chuyển đổi số góp phần thúc đẩy, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2035 thì Một trong những kinh nghiệm nổi bật của Thượng Hải trong chuyển đổi số là gì?

A. Tập trung phát triển nông nghiệp số
B. Quản trị đô thị dựa trên dữ liệu và sử dụng hệ thống giám sát thời gian thực
C. Chỉ phát triển thương mại điện tử
D. Chỉ phát triển hệ thống giáo dục số

Câu 6. Theo Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Đề án Chuyển đổi số góp phần thúc đẩy, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2035 thì Busan tập trung chuyển đổi số nhằm củng cố lợi thế cạnh tranh của những ngành kinh tế cốt lõi nào?

A. Nông nghiệp và thủy sản
B. Du lịch và giáo dục
C. Logistics và kinh tế biển
D. Tài chính và ngân hàng

Câu 7. Theo Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Đề án Chuyển đổi số góp phần thúc đẩy, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2035 thì "Regulatory Sandbox" được Đề án đề cập với ý nghĩa nào?

A. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các công nghệ, dịch vụ hoặc mô hình mới

B. Cơ chế quản lý ngân sách nhà nước

C. Hệ thống bảo mật dữ liệu cá nhân

D. Nền tảng cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Câu 8. Theo Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Đề án Chuyển đổi số góp phần thúc đẩy, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2035 thì trong quá trình chuyển đổi số, công nghệ cần được kết hợp với yếu tố nào để bảo đảm mục tiêu phát triển?

A. Máy móc và thiết bị

B. Người dân và nhu cầu thực tế của người dân

C. Nguồn vốn nước ngoài

D. Quy mô dân số

Câu 9. Theo Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Đề án Chuyển đổi số góp phần thúc đẩy, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2035 thì Một trong những nguyên tắc quan trọng được nhấn mạnh trong phát triển xã hội số là gì?

A. Không để ai bị bỏ lại phía sau

B. Chỉ tập trung cho khu vực đô thị

C. Ưu tiên người có trình độ công nghệ cao

D. Chỉ hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ

Câu 10. Theo Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Đề án Chuyển đổi số góp phần thúc đẩy, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2035 thì kinh tế số đến năm 2030 phấn đấu chiếm tỷ trọng tối thiểu bao nhiêu trong GRDP toàn thành phố?

A. 20%–25%

B. 25%–30%

C. 30%–35%

D. 35%–40%

Câu 11. Theo Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Đề án Chuyển đổi số góp phần thúc đẩy, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2035 thì đến năm 2030, thành phố đặt mục tiêu số hóa bao nhiêu phần trăm di sản văn hóa, di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt?

A. 70%
B. 80%
C. 90%
D. 100%

Câu 12. Theo Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Đề án Chuyển đổi số góp phần thúc đẩy, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2035 thì đến năm 2030, tỷ lệ chi trả, thanh toán các dịch vụ an sinh xã hội qua phương thức thanh toán không dùng tiền mặt phấn đấu đạt bao nhiêu?

A. 70% số người đang hưởng chế độ BHXH
B. 80% số người đang hưởng chế độ BHXH
C. 90% số người đang hưởng chế độ BHXH
D. 100% số người đang hưởng chế độ BHXH

Câu 13. Theo Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Đề án Chuyển đổi số góp phần thúc đẩy, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2026–2030, định hướng đến năm 2035 thì trong lộ trình trở thành "AI City", thành phố Đà Nẵng xác định an toàn thông tin, an ninh mạng có vai trò như thế nào?

A. Là nhiệm vụ riêng của ngành công an
B. Là nhiệm vụ thực hiện sau khi hoàn thành chuyển đổi số
C. Là điều kiện tiên quyết và xuyên suốt
D. Chỉ áp dụng đối với hệ thống thông tin quan trọng

V. NGHỊ QUYẾT SỐ 17-NQ/ĐU NGÀY 25/12/2025 CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ PHƯỜNG HỘI AN ĐÔNG VỀ TĂNG CƯỜNG CHUYỂN ĐỔI SỐ, XÂY DỰNG PHƯỜNG HỘI AN ĐÔNG PHÁT TRIỂN THEO ĐỊNH HƯỚNG ĐÔ THỊ THÔNG MINH, BỀN VỮNG ĐẾN NĂM 2030

(19 câu)

Câu hỏi 1: Theo Nghị quyết số 17-NQ/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Hội An Đông về tăng cường chuyển đổi số, xây dựng phường hội an đông phát triển theo định hướng đô thị thông minh, bền vững đến năm 2030 được ban hành vào ngày tháng năm nào?

A. Ngày 01 tháng 7 năm 2025

B. Ngày 25 tháng 11 năm 2025

C. Ngày 31 tháng 12 năm 2025

D. Ngày 25 tháng 12 năm 2025

Câu hỏi 2: Theo Nghị quyết số 17-NQ/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Hội An Đông về tăng cường chuyển đổi số, xây dựng phường hội an đông phát triển theo định hướng đô thị thông minh, bền vững đến năm 2030. Khu vực nào của phường Hội An Đông nổi tiếng toàn cầu với du lịch sinh thái, cộng đồng dựa trên hệ sinh thái rừng dừa nước Bảy Mẫu?

A. Khu vực trung tâm phố cổ

B. Khu vực Cẩm Châu (cũ)

C. Khu vực Cửa Đại (cũ)

D. Khu vực Cẩm Thanh (cũ)

Câu hỏi 3: Theo Nghị quyết số 17-NQ/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Hội An Đông về tăng cường chuyển đổi số, xây dựng phường hội an đông phát triển theo định hướng đô thị thông minh, bền vững đến năm 2030. Thách thức nghiêm trọng nào đe dọa trực tiếp đến sinh kế của người dân và hạ tầng du lịch ven biển tại khu vực Cửa Đại?

A. Hiện tượng xói lở bờ biển

B. Ô nhiễm tiếng ồn từ các khu công nghiệp

C. Thiếu nguồn nước ngọt trầm trọng

D. Sự suy giảm diện tích rừng dừa nước

Câu hỏi 4: Theo Nghị quyết số 17-NQ/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Hội An Đông về tăng cường chuyển đổi số, xây dựng phường hội an

đông phát triển theo định hướng đô thị thông minh, bền vững đến năm 2030. Quan điểm chỉ đạo của nghị quyết xác định yếu tố nào là trung tâm, chủ thể, mục tiêu và động lực của quá trình chuyển đổi số?

A. Các tập đoàn công nghệ lớn

B. Đội ngũ cán bộ, công chức phường

C. Các cơ quan quản lý cấp thành phố

D. Người dân và doanh nghiệp

Câu hỏi 5: Theo Nghị quyết số 17-NQ/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Hội An Đông về tăng cường chuyển đổi số, xây dựng phường hội an đông phát triển theo định hướng đô thị thông minh, bền vững đến năm 2030. Đến năm 2030, mục tiêu cụ thể về phát triển Chính quyền số đối với hồ sơ công việc tại phường là gì?

A. 100% hồ sơ công việc xử lý trên môi trường mạng không có ngoại lệ

B. Đạt tối thiểu 80% hồ sơ công việc xử lý trên môi trường mạng

C. Trên 90% hồ sơ công việc xử lý trên môi trường mạng

D. Trên 95% hồ sơ công việc tại phường được xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng (trừ hồ sơ mật)

Câu hỏi 6: Theo Nghị quyết số 17-NQ/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Hội An Đông về tăng cường chuyển đổi số, xây dựng phường hội an đông phát triển theo định hướng đô thị thông minh, bền vững đến năm 2030. Hệ thống cơ sở dữ liệu tích hợp của phường được định hướng xây dựng trên nền tảng công nghệ nào để quản lý các lĩnh vực trọng yếu?

A. Nền tảng công nghệ chuỗi khối (Blockchain)

B. Nền tảng bản đồ số (GIS)

C. Nền tảng điện toán đám mây độc lập

D. Hệ thống quản lý dữ liệu lớn Big Data thuần túy

Câu hỏi 7: Theo Nghị quyết số 17-NQ/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Hội An Đông về tăng cường chuyển đổi số, xây dựng phường hội an

đông phát triển theo định hướng đô thị thông minh, bền vững đến năm 2030. Trong lĩnh vực kinh tế số, nghị quyết đặt mục tiêu hỗ trợ bao nhiêu phần trăm các cơ sở kinh doanh du lịch tham gia hệ sinh thái du lịch số?

A. Trên 80%

B. 100%

C. Trên 60%

D. Trên 50%

Câu hỏi 8: Theo Nghị quyết số 17-NQ/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Hội An Đông về tăng cường chuyển đổi số, xây dựng phường hội an đông phát triển theo định hướng đô thị thông minh, bền vững đến năm 2030. Tỷ lệ hộ kinh doanh trên địa bàn phường được định hướng sử dụng thường xuyên các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt đến năm 2030 là bao nhiêu?

A. 100%

B. Trên 60%

C. Trên 80%

D. Trên 90%

Câu hỏi 9: Theo Nghị quyết số 17-NQ/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Hội An Đông về tăng cường chuyển đổi số, xây dựng phường hội an đông phát triển theo định hướng đô thị thông minh, bền vững đến năm 2030. Nghị quyết yêu cầu xây dựng thương hiệu số và hỗ trợ truy xuất nguồn gốc cho ít nhất bao nhiêu sản phẩm nông nghiệp, làng nghề đặc trưng của phường?

A. Ít nhất 05 sản phẩm

B. Ít nhất 03 sản phẩm

C. Ít nhất 01 sản phẩm

D. Ít nhất 10 sản phẩm

Câu hỏi 10: Theo Nghị quyết số 17-NQ/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Hội An Đông về tăng cường chuyển đổi số, xây dựng phường hội an

đông phát triển theo định hướng đô thị thông minh, bền vững đến năm 2030. Đối với phát triển xã hội số, tỷ lệ dân số trong độ tuổi trưởng thành có điện thoại thông minh và kỹ năng số cơ bản đến năm 2030 là bao nhiêu?

A. Trên 95%

B. 100%

C. Trên 80%

D. Trên 90%

Câu hỏi 11: Theo Nghị quyết số 17-NQ/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Hội An Đông về tăng cường chuyển đổi số, xây dựng phường hội an đông phát triển theo định hướng đô thị thông minh, bền vững đến năm 2030. Mô hình nào sau đây KHÔNG nằm trong các mô hình điểm được tiên phong xây dựng và công nhận theo định hướng xã hội số của phường?

A. "Khu công nghiệp thông minh"

B. "Làng du lịch cộng đồng thông minh"

C. "Tuyến đường du lịch số không dùng tiền mặt"

D. "Làng nghề số"

Câu hỏi 12: Theo Nghị quyết số 17-NQ/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Hội An Đông về tăng cường chuyển đổi số, xây dựng phường hội an đông phát triển theo định hướng đô thị thông minh, bền vững đến năm 2030. Trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, công nghệ nào được ứng dụng để quan trắc, theo dõi và cảnh báo sớm tình hình sạt lở bờ biển Cửa Đại?

A. Hệ thống mã vạch và QR Code truy xuất

B. Trí tuệ nhân tạo nhận diện khuôn mặt

C. Phần mềm quản trị khách sạn và homestay

D. Flycam, ảnh viễn thám, cảm biến

Câu hỏi 13: Theo Nghị quyết số 17-NQ/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Hội An Đông về tăng cường chuyển đổi số, xây dựng phường hội an đông phát triển theo định hướng đô thị thông minh, bền vững đến năm 2030.

Trong lĩnh vực y tế, định hướng ứng dụng công nghệ số tại Trạm Y tế phường hướng tới việc không sử dụng loại bệnh án nào?

A. Không sử dụng đơn thuốc số

B. Không sử dụng sổ khám bệnh bảo hiểm

C. Không sử dụng bệnh án giấy

D. Không sử dụng bệnh án điện tử

Câu hỏi 14: Theo Nghị quyết số 17-NQ/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Hội An Đông về tăng cường chuyển đổi số, xây dựng phường hội an đông phát triển theo định hướng đô thị thông minh, bền vững đến năm 2030. Hệ thống camera giám sát an ninh thông minh tại các khu vực trọng điểm của phường có chức năng nâng cao nào?

A. Khả năng phát hiện dịch bệnh tự động

B. Khả năng kiểm tra chất lượng nông sản hữu cơ

C. Khả năng phân tích hình ảnh, cảnh báo tự động

D. Khả năng đo lường mức độ xói lở bờ biển

Câu hỏi 15: Theo Nghị quyết số 17-NQ/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Hội An Đông về tăng cường chuyển đổi số, xây dựng phường hội an đông phát triển theo định hướng đô thị thông minh, bền vững đến năm 2030. Ai giữ vai trò Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số của phường Hội An Đông?

A. Đồng chí Phó Bí thư thường trực Đảng ủy

B. Đồng chí Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam phường

C. Đồng chí Bí thư Đảng ủy

D. Đồng chí Chủ tịch UBND phường

Câu hỏi 16: Theo Nghị quyết số 17-NQ/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Hội An Đông về tăng cường chuyển đổi số, xây dựng phường hội an đông phát triển theo định hướng đô thị thông minh, bền vững đến năm 2030. Lộ trình thực hiện Nghị quyết chia thành mấy giai đoạn chính?

A. 2 giai đoạn

B. 3 giai đoạn

C. 4 giai đoạn

D. 5 giai đoạn

Câu hỏi 17: Theo Nghị quyết số 17-NQ/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Hội An Đông về tăng cường chuyển đổi số, xây dựng phường hội an đông phát triển theo định hướng đô thị thông minh, bền vững đến năm 2030. Giai đoạn đầu tiên (2025 - 2026) trong lộ trình thực hiện nghị quyết tập trung vào những trọng tâm nào?

A. Đầu tư công nghệ lõi và Trí tuệ nhân tạo toàn diện

B. Tăng tốc và Toàn diện

C. Tổng kết và Nhân rộng

D. Nền tảng và Thí điểm

Câu hỏi 18: Theo Nghị quyết số 17-NQ/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Hội An Đông về tăng cường chuyển đổi số, xây dựng phường hội an đông phát triển theo định hướng đô thị thông minh, bền vững đến năm 2030. Theo chế độ thông tin, báo cáo, UBND phường định kỳ báo cáo Đảng ủy về tình hình, tiến độ, kết quả thực hiện Nghị quyết vào khoảng thời gian nào?

A. Định kỳ 6 tháng, 1 năm

B. Định kỳ hàng tháng

C. Chỉ báo cáo khi kết thúc từng giai đoạn

D. Định kỳ hàng quý

Câu hỏi 19: Theo Nghị quyết số 17-NQ/ĐU của Ban Chấp hành Đảng bộ phường Hội An Đông về tăng cường chuyển đổi số, xây dựng phường hội an đông phát triển theo định hướng đô thị thông minh, bền vững đến năm 2030. Thời điểm tổ chức tổng kết việc thực hiện Nghị quyết về tăng cường chuyển đổi số của phường Hội An Đông được ấn định vào lúc nào?

A. Cuối năm 2030

B. Cuối năm 2026

C. Giữa năm 2030

D. Cuối năm 2025

VI. ĐỀ ÁN "CHUYỂN ĐỔI SỐ GẮN VỚI XÂY DỰNG PHƯỜNG THÔNG MINH TẠI PHƯỜNG HỘI AN ĐÔNG GIAI ĐOẠN 2026-2030" *(30 câu)*

Câu 1: Đề án "Chuyển đổi số gắn với xây dựng phường thông minh tại phường Hội An Đông giai đoạn 2026-2030" được ban hành nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết nào?

A. Nghị quyết số 13-NQ/ĐU ngày 24/12/2025

B. Nghị quyết số 17-NQ/ĐU ngày 25/12/2025

C. Nghị quyết số 15-NQ/ĐU ngày 06/05/2026

D. Nghị quyết số 10-NQ/ĐU ngày 01/01/2026

Câu hỏi 2: Thời điểm phường Hội An Đông chính thức đi vào hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp là ngày tháng năm nào?

A. Ngày 01 tháng 7 năm 2025

B. Ngày 15 tháng 12 năm 2025

C. Ngày 01 tháng 1 năm 2026

D. Ngày 26 tháng 6 năm 2026

Câu hỏi 3: Tổng diện tích tự nhiên của phường Hội An Đông là bao nhiêu?

A. 25,10 km²

B. 18,22 km²

C. 21,50 km²

D. 15,45 km²

Câu hỏi 4: Quy mô dân số của phường Hội An Đông khoảng bao nhiêu nhân khẩu?

A. Hơn 45.000 nhân khẩu

B. Hơn 20.000 nhân khẩu

C. Hơn 31.000 nhân khẩu

D. Hơn 50.000 nhân khẩu

Câu hỏi 5: Trên địa bàn phường Hội An Đông có quần thể sinh thái rừng dừa nước quy mô khoảng bao nhiêu hecta?

A. Khoảng 50 ha

B. Khoảng 200 ha

C. Khoảng 100 ha

D. Khoảng 350 ha

Câu hỏi 6: Ngành kinh tế chủ lực, đóng góp từ 65% - 70% tổng giá trị sản xuất toàn phường Hội An Đông là gì?

A. Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp

B. Thương mại xuất nhập khẩu

C. Nông nghiệp sinh thái và thủy sản

D. Dịch vụ - Du lịch

Câu hỏi 7 Đề án "Chuyển đổi số gắn với xây dựng phường thông minh tại phường Hội An Đông" đặt ra mục tiêu thực hiện đến năm nào?

A. Đến năm 2027

B. Đến năm 2025

C. Đến năm 2035

D. Đến năm 2030

Câu hỏi 8: Tổng kinh phí khái toán thực hiện Đề án Chuyển đổi số phường Hội An Đông giai đoạn 2026 - 2030 là bao nhiêu?

A. 45,50 tỷ đồng

B. 21,77 tỷ đồng

C. 35,02 tỷ đồng

D. 15,20 tỷ đồng

Câu hỏi 9: Trong tổng nguồn vốn thực hiện Đề án, nguồn ngân sách phường dự kiến đóng góp bao nhiêu?

A. 25,00 tỷ đồng

B. 30,10 tỷ đồng

C. 10,50 tỷ đồng

D. 21,77 tỷ đồng

Câu hỏi 10: Theo Đề án, giai đoạn 1 của lộ trình thực hiện được ấn định trong khoảng thời gian nào?

A. Từ năm 2026 đến năm 2028

B. Từ tháng 7/2026 đến năm 2027

C. Từ năm 2025 đến năm 2026

D. Từ năm 2028 đến năm 2030

Câu hỏi 11: Mục tiêu về tỷ lệ thu phí, lệ phí hành chính không dùng tiền mặt tại Bộ phận Một cửa đến năm 2030 đạt bao nhiêu?

A. Đạt 90%

B. Đạt 80%

C. Đạt 100%

D. Đạt 95%

Câu hỏi 12: Trạm Y tế phường được định hướng cập nhật Hồ sơ sức khỏe điện tử (HSSKĐT) cho bao nhiêu phần trăm dân số?

A. 80% dân số

B. 90% dân số

C. 50% dân số

D. 100% dân số

Câu hỏi 13: Theo Đề án, tỷ lệ công dân đủ điều kiện trên địa bàn được cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 (VNeID) cần đạt tối thiểu bao nhiêu?

A. Đạt 80%

B. Đạt 90%

C. Đạt 100%

D. Trên 95%

Câu hỏi 14: Cơ quan nào đóng vai trò là cơ quan thường trực, đầu mối tổng hợp triển khai thực hiện Đề án?

A. Phòng Văn hóa - Xã hội

B. Công an phường

C. Văn phòng HĐND và UBND

D. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

Câu hỏi 15: Đâu không phải là một trong năm trụ cột chính của chuyển đổi số được triển khai trong phạm vi nội dung của Đề án?

A. Quốc phòng số

B. Chính quyền số

C. Hạ tầng số

D. Kinh tế số

Câu hỏi 16: Lực lượng nào đóng vai trò nòng cốt trong việc 'đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người' cài đặt VNeID và dịch vụ công?

A. Ban chỉ huy quân sự phường

B. Thanh tra xây dựng

C. Lực lượng dân phòng

D. Tổ công nghệ số cộng đồng

Câu hỏi 17: Mô hình thí điểm đưa công nghệ thanh toán không dùng tiền mặt vào chợ truyền thống tại phường được gọi tên là gì?

A. Mô hình "Chợ thương mại số"

B. Mô hình "Chợ điện tử"

C. Mô hình 'Chợ 4.0'

D. Mô hình "Chợ thông minh số"

Câu hỏi 18: Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành được 100% cán bộ, công chức sử dụng thường xuyên tại phường Hội An Đông là gì?

A. Phần mềm VOffice

B. Phần mềm EGOV

C. Phần mềm VNPT-iOffice

D. Phần mềm QLVB-Danang

Câu hỏi 19: Theo Đề án, hệ thống camera an ninh hiện có trên địa bàn phường được kết nối trực tiếp về đâu?

A. Trụ sở Bộ Công an

B. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam

C. Trung tâm viễn thông quận

D. Trung tâm giám sát đô thị thông minh (IOC) của thành phố

Câu hỏi 20: Phong trào nào được đẩy mạnh triển khai sâu rộng đến từng hộ dân nhằm phổ cập kiến thức công nghệ theo định hướng của Thành phố và Phường?

A. Phong trào "Bình dân học vụ số"

B. Phong trào "Tin học hóa toàn dân"

C. Phong trào "Xóa mù công nghệ thông tin"

D. Phong trào "Thanh niên số"

Câu hỏi 21: Cơ quan nào chịu trách nhiệm chủ trì thực hiện Đề án 06, duy trì Cơ sở dữ liệu dân cư 'đúng, đủ, sạch, sống'?

A. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

B. Ban chỉ huy quân sự phường

C. Công an phường

D. Trung tâm Phục vụ hành chính công

Câu hỏi 22: Hệ thống cơ sở dữ liệu nền tảng bản đồ số được phường phối hợp triển khai xây dựng có tên viết tắt là gì?

A. BIM

B. GIS

C. GPS

D. IOC

Câu hỏi 23: Đâu là một trong các nhiệm vụ trọng tâm nhằm ứng dụng công nghệ bảo vệ môi trường sinh thái tại Rừng dừa Bảy Mẫu?

A. Sử dụng robot ngầm dưới nước vớt rác liên tục

B. Xây dựng đê bê tông cốt thép kiên cố xung quanh rừng dừa

C. Lắp đặt hệ thống cảm biến (IoT) quan trắc tự động đo mực nước, độ mặn

D. Trồng mới hoàn toàn rừng dừa bằng giống cây biến đổi gen

Câu hỏi 24: Công nghệ nào được sử dụng định kỳ để ghi hình, đo đạc và giám sát tình trạng xói lở bờ biển Cửa Đại?

A. Radar siêu âm đặt dưới đáy biển sâu

B. Vệ tinh nhân tạo tầm thấp riêng của phường

C. Hệ thống camera hồng ngoại thân cây

D. Thiết bị bay không người lái (Flycam) và công nghệ viễn thám

Câu hỏi 25: Mô hình điểm nào được quy định hoàn thiện tiêu chí gồm: Ban điều hành dùng Zalo tương tác 100%, camera an ninh toàn khu, phủ wifi nhà văn hóa?

A. Mô hình "Chợ 4.0"

B. Mô hình "Tổ dân phố số"

C. Mô hình "Làng du lịch thông minh"

D. Mô hình "Tuyến đường du lịch số"

Câu hỏi 26: Theo Đề án, đến giai đoạn 2028 - 2030, 100% trường THCS trên địa bàn phường được định hướng đầu tư phòng học thông minh nào?

A. Phòng học thông minh thực tế ảo toàn phần

B. Phòng học thông minh STEM

C. Phòng học thông minh chuyên toán ngoại ngữ

D. Phòng học thông minh trí tuệ nhân tạo chuyên sâu

Câu hỏi 27: Việc ứng dụng hệ thống vé điện tử (e-ticket) tích hợp mã QR tại Rừng dừa Bảy Mẫu nhằm mục đích chính là gì?

A. Tăng giá vé tham quan tự động theo giờ cao điểm

B. Minh bạch hóa nguồn thu, phân bổ lượt khách công bằng và bảo vệ sức chứa sinh thái

C. Thu phí trực tuyến về ngân sách trung ương

D. Hạn chế hoàn toàn không cho du khách nước ngoài vào tham quan

Câu hỏi 28: Hình thức truyền thông nào được chuyển đổi mạnh mẽ nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng thay thế cho phương thức truyền thống một chiều?

A. Chuyển từ truyền thông một chiều sang truyền thông tương tác qua Zalo OA và video ngắn

B. Phát tờ rơi giấy tại tất cả các hộ gia đình hàng tuần

C. Gửi thông cáo báo chí qua đường bưu điện

D. Sử dụng loa phóng thanh công cộng phát liên tục 24/24 giờ

Câu hỏi 29: Theo Đề án, tiêu chí đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính dựa vào thước đo nào?

A. Tổng số lượng hồ sơ bị từ chối tiếp nhận

B. Số lượng văn bản giấy phát hành hàng tháng

C. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp

D. Thời gian cán bộ ở lại cơ quan ngoài giờ hành chính

Câu hỏi 30: Quan điểm chỉ đạo cốt lõi xuyên suốt được đề ra trong Đề án đối với người dân và doanh nghiệp là gì?

A. Lấy cơ quan nhà nước làm trung tâm điều hành mệnh lệnh hành chính

B. Lấy công nghệ số làm mục tiêu tối thượng độc lập với con người

C. Lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, là chủ thể thụ hưởng và động lực phát triển

D. Lấy doanh nghiệp công nghệ lớn làm chủ thể quyết định mọi chính sách

VI. CỔNG GÓP Ý THÀNH PHỐ

(06 Câu)

Câu 1: Địa chỉ trang web chính thức của Cổng Góp ý Thành phố Đà Nẵng là gì?

A. danang.com.vn

B. gopy.danang.gov.vn

C. gopy.danang.org.vn

D. gopy.danang.net.vn

Câu 2: Công dân KHÔNG thể thực hiện gửi phản ánh, góp ý qua hình thức nào sau đây?

A. Qua ứng dụng gopy.danang.gov.vn hoặc Tổng đài (0236) 1022

B. Qua thư điện tử gopy@danang.gov.vn hoặc 1022@danang.gov.vn

C. Qua mục "Phản ánh, góp ý" trên Zalo Tổng đài 1022 hoặc ứng dụng Danang Smart City

D. Qua tin nhắn SMS trực tiếp đến số điện thoại cá nhân của Lãnh đạo Thành phố

Câu 3: Khi sử dụng ứng dụng Danang Smart City để gửi phản ánh, người dùng phải truy cập vào mục nào?

A. Cảnh báo thiên tai

B. Cổng dịch vụ công
C. Phản ánh, góp ý
D. Bình dân học AI
Câu 4: Công cụ "Danang AI" hỗ trợ công dân tiếp nhận thông tin phản ánh theo cơ chế nào?
A. Người trực tổng đài phản hồi trực tiếp qua khung chat
B. Chatbot tự động ghi nhận thông tin khi công dân soạn tin đủ các trường yêu cầu
C. Diễn đàn thảo luận mở để các công dân tự giải quyết với nhau
D. Hệ thống tự động chuyển cuộc gọi về điện thoại bàn của cơ quan chức năng
Câu 5: Hình thức nào dưới đây KHÔNG nằm trong các cách thức Cổng Góp ý gửi thông báo kết quả xử lý đến cho công dân?
A. Gửi văn bản giấy có đóng dấu đỏ chuyển phát nhanh về địa chỉ cư trú
B. Gửi tin nhắn văn bản (SMS) thông báo kết quả và hướng dẫn tra cứu
C. Gửi thông báo qua thư điện tử Email (nếu công dân có cung cấp địa chỉ email)
D. Thực hiện cuộc gọi điện thoại trực tiếp để thông báo cho công dân
Câu 6: Khi muốn chủ động tra cứu kết quả xử lý ý kiến trên website gopy.danang.gov.vn, công dân bắt buộc phải nhập thông tin gì vào ô tìm kiếm?
A. Họ và tên đầy đủ của người hoặc tổ chức thực hiện góp ý
B. Số căn cước công dân (CCCD) hoặc mã định danh cá nhân
C. Số điện thoại đã dùng để đăng ký gửi phản ánh
D. Mã ý kiến được cấp khi tiếp nhận

VII. ỨNG DỤNG DANANG SMART CITY
(09 Câu)

Câu 1: Để tải ứng dụng Danang Smart City trên điện thoại hệ điều hành Android, người dùng cần truy cập vào kho ứng dụng nào?
A. App Store
B. Google Play
C. Galaxy Store
D. Microsoft Store
Câu 2: Ngoài việc tìm kiếm trực tiếp trên kho ứng dụng, người dùng có thể dùng trình duyệt điện thoại truy cập vào đường liên kết nào để tải Danang Smart City?
A. https://danangsmartcity.gov.vn
B. congdulieu.vn
C. https://onelink.to/danangsmartcity
D. danang.gov.vn
Câu 3: Tại giao diện Trang chủ của ứng dụng, người dùng muốn mở toàn bộ các dịch vụ thuộc nhóm "Công dân số" thì phải chọn nút nào?
A. Khám phá

B. Tra cứu
C. Giới thiệu
D. Xem tất cả
Câu 4: Nền tảng "Cổng dịch vụ dữ liệu" (congdulieu.vn) tích hợp trong ứng dụng hỗ trợ cá nhân, tổ chức thực hiện hoạt động gì?
A. Đặt lịch, hẹn giờ khám chữa bệnh và tiêm chủng công
B. Thanh toán các hóa đơn dịch vụ thiết yếu như điện, nước
C. Khai thác dữ liệu mở và chia sẻ tập dữ liệu đến cộng đồng
D. Quét mã QR để truy xuất nguồn gốc các loại thực phẩm sinh hoạt
Câu 5: Tính năng "Đặt lịch, hẹn giờ" trên ứng dụng Danang Smart City hỗ trợ người dùng xác nhận cuộc hẹn thông qua hình thức nào?
A. Gọi điện thoại trực tiếp từ tổng đài viên
B. Tin nhắn SMS
C. Gửi văn bản giấy theo đường bưu điện
D. Khung chat tự động của Danang AI
Câu 6: Để tra cứu thông tin "Cơ sở đạt chuẩn an toàn thực phẩm", người dùng có thể nhập các loại thông tin nào sau đây vào ô tìm kiếm?
A. Tên chủ cơ sở hoặc Số điện thoại người đại diện
B. Tên cơ sở hoặc Địa chỉ hoặc Mã số ĐKKD
C. Số giấy chứng nhận hoặc Ngày hết hạn hiệu lực
D. Mã số thuế cá nhân hoặc Tên món ăn đặc sản
Câu 7: Địa chỉ website chính thức của "Tài khoản công dân số" là gì?
A. gopy.danang.gov.vn
B. congdulieu.vn
C. 1022@danang.gov.vn
D. congdanso.danang.gov.vn
Câu 8: Khi truy cập vào menu "Tài khoản" trên ứng dụng Danang Smart City, người dân có thể đăng nhập bằng tài khoản công dân số hoặc tài khoản nào sau đây?

A. Tài khoản mạng xã hội Facebook
B. Tài khoản Google cá nhân
C. Tài khoản định danh điện tử VNeID
D. Tài khoản ví điện tử thanh toán
Câu 9: Khi cần liên hệ hỗ trợ hoặc phản hồi thông tin về việc sử dụng ứng dụng Danang Smart City qua số điện thoại 0236 1022, người dùng cần bấm phím số mấy (nhánh mấy)?
A. Nhánh 1
B. Nhánh 2
C. Nhánh 3
D. Nhánh 4

VIII. DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN, THANH TOÁN TRỰC TUYẾN
(05 Câu)

Câu 1. Người dân có thể thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến thông qua kênh nào?
A. Cổng Dịch vụ công quốc gia https://dichvucong.gov.vn
B. Chỉ đến trực tiếp UBND phường
C. Chỉ thông qua mạng xã hội cá nhân
D. Chỉ gửi hồ sơ bằng đường bưu điện

Câu 2: Đăng nhập vào Cổng Dịch vụ công Quốc gia bằng:
A. Tài khoản mạng xã hội Facebook
B. Tài khoản Google Mail (Gmail)
C. Tài khoản định danh điện tử VNeID
D. Tài khoản ngân hàng số cá nhân

Câu 3. Lợi ích của việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến là gì?
A. Tiết kiệm thời gian, chi phí và giảm số lần đi lại
B. Làm tăng số lượng giấy tờ
C. Chỉ áp dụng cho cán bộ, công chức
D. Không thể theo dõi tình trạng hồ sơ

Câu 4. Khi thực hiện thanh toán trực tuyến, người dân nên sử dụng phương thức nào?
A. Ứng dụng ngân hàng, ví điện tử hoặc phương thức thanh toán được cung cấp hợp pháp
B. Chuyển tiền vào tài khoản cá nhân không rõ nguồn gốc
C. Cung cấp mã OTP cho người khác
D. Nhờ người lạ đăng nhập tài khoản ngân hàng

Câu 5. Người dân cần làm gì để bảo đảm an toàn khi thanh toán trực tuyến?
A. Không cung cấp mật khẩu, mã OTP và thông tin bảo mật cho người khác
B. Gửi mã OTP cho người hỗ trợ qua điện thoại
C. Lưu mật khẩu ở nơi công cộng
D. Nhấp vào mọi đường link được gửi đến

IX.TIỆN ÍCH ĐÀ NẴNG
(03 Câu)

Câu 1. Kênh thông tin hỗ trợ, hướng dẫn của thành phố Đà Nẵng
A. Cổng thông tin chuyển đổi số: http://dx.danang.gov.vn
B. Tổng đài điện thoại: 1900 1022. Email: chuyendoiso@danang.gov.vn
C. Zalo: Tổng đài 1022 Đà Nẵng. Fanpage: facebook.com/tongdai1022
D. Tất cả các phương án trên

Câu 2. Ứng dụng, tiện ích số phục vụ tổ chức, công dân của thành phố Đà Nẵng
A. Ứng dụng Danang Smart City.
B. Bình dân học vụ số: https://binhdanhocvuso.danang.gov.vn.
C. Bình dân học AI: https://binhdanai.1022.vn
D. Tất cả các phương án trên

Câu 3. Ứng dụng, tiện ích số phục vụ tổ chức, công dân của thành phố Đà Nẵng
A. Ứng dụng Góp ý Đà Nẵng: https://gopy.danang.gov.vn.
B. Cổng dịch vụ dữ liệu: https://congdulieu.vn
C. Chatbot Danang AI: https://danangai.1022.vn
D. Tất cả các phương án trên

X. HƯỚNG DẪN MÔ HÌNH, HOẠT ĐỘNG VÀ NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ THÔN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
(15 Câu)

Câu 1: Văn bản Hướng dẫn mô hình, hoạt động và nhiệm vụ chuyển đổi số thôn, tổ dân phố được ban hành kèm theo Công văn số 6097/SKHCN-CNTT của cơ quan nào?
A. Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Đà Nẵng
B. Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng
C. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng
D. Cục Chuyển đổi số quốc gia

Câu 2: Về vị trí và tính chất, hoạt động chuyển đổi số tại thôn, tổ dân phố được xác định như thế nào?
A. Là một cấp kiến trúc hệ thống dữ liệu độc lập
B. Là một cấp hành chính công nghệ thông tin mới
C. Là một hệ thống đánh giá và xếp hạng riêng biệt
D. Là nội dung triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã, không hình thành cấp kiến trúc độc lập

Câu 3: Theo Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, chức danh Trưởng thôn và Tổ trưởng tổ dân phố có nhiệm kỳ là bao nhiêu năm?
A. 02 năm
B. 03 năm
C. 05 năm
D. 06 năm

Câu 4: Theo tiêu chuẩn liên quan đến chuyển đổi số, Trưởng thôn và Tổ trưởng tổ dân phố bắt buộc phải có khả năng nào dưới đây?
A. Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ
B. Khả năng tự lập trình ứng dụng di động quản lý dân cư cho thôn
C. Khả năng sửa chữa phần cứng máy tính và thiết bị mạng tại nhà văn hóa
D. Khả năng bảo mật thông tin cấp độ chuyên gia an ninh mạng
Câu 5: Phương châm hoạt động nòng cốt của Tổ công nghệ số cộng đồng là gì?
A. Đi từng nhà, rà từng app, cấp từng tài khoản
B. Đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người
C. Chuyển đổi số toàn diện, không bỏ ai lại phía sau
D. Bình dân học vụ số, phổ cập số đến từng hộ dân

Câu 6: Hoạt động chuyển đổi số tại thôn, tổ dân phố được tổ chức thể hiện trên bao nhiêu lĩnh vực chính?
A. 02 lĩnh vực (Chính quyền số, Kinh tế số)
B. 03 lĩnh vực (Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số)
C. 04 lĩnh vực (Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số, An toàn số)
D. 05 lĩnh vực (Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số, Thương mại điện tử, Thôn/khu dân cư/tổ dân phố thông minh)

Câu 7: Thiết bị đầu cuối thuộc nhóm nội dung dùng chung về hạ tầng và thiết bị được ưu tiên trang bị (lưu động khi tổ chức cuộc họp) gồm những gì?
A. 01 máy chiếu và 01 hệ thống loa âm thanh công suất lớn
B. 01 bảng tương tác thông minh và 01 máy quét dữ liệu căn cước
C. 01 máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay, máy in
D. 01 thiết bị lưu trữ dữ liệu tập trung và 01 máy bộ đàm cầm tay

Câu 8: Đối với việc đăng nhập/đăng xuất trên nền tảng, ứng dụng điều hành thôn, tổ dân phố, người dùng sử dụng loại tài khoản nào?
A. Tài khoản định danh dịch vụ công Đà Nẵng
B. Tài khoản thư điện tử công vụ công chức (.gov.vn)
C. Tài khoản định danh điện tử VNeID
D. Tài khoản số điện thoại đăng ký qua mạng xã hội Zalo

Câu 9: Nguyên tắc nào sau đây là ĐÚNG khi quản lý và khai thác dữ liệu phát sinh tại thôn, tổ dân phố?
A. Mỗi thôn tự đầu tư một hệ thống lưu trữ dữ liệu cục bộ riêng
B. Dữ liệu của thôn nào thì chỉ có thôn đó biết, không chia sẻ cho cấp xã
C. Thực hiện theo nguyên tắc "khai báo một lần, sử dụng nhiều lần" trên hệ thống dùng chung
D. Chỉ cập nhật dữ liệu bằng văn bản giấy, không số hóa để bảo đảm an toàn

Câu 10: Thành phần nòng cốt cấu thành nên Tổ Công nghệ số cộng đồng tại thôn, tổ dân phố gồm những ai?

A. Trưởng thôn/Tổ trưởng TDP, Bí thư Đoàn Thanh niên, Đại diện Công an khu vực, các tổ chức đoàn thể, nhân viên DN công nghệ và người dân am hiểu công nghệ

B. Toàn bộ các Đảng viên đang sinh hoạt Đảng tại Chi bộ thôn, tổ dân phố

C. Lãnh đạo UBND cấp xã và cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin cấp huyện

D. Các hộ gia đình văn hóa tiêu biểu và đại diện ban quản lý các chợ trên địa bàn

Câu 11: Kỹ năng số nào sau đây được tài liệu nhấn mạnh là ưu tiên phổ cập ĐẶC BIỆT tại khu vực đô thị do tính chất phổ biến của loại hình tội phạm này?

A. Kỹ năng đăng bán sản phẩm OCOP và truy xuất nguồn gốc nông sản

B. Kỹ năng thực hiện cuộc gọi video để nhận hỗ trợ số từ xa

C. Kỹ năng phòng tránh lừa đảo tài chính, mạo danh cơ quan nhà nước trên không gian mạng

D. Kỹ năng cài đặt và cấu hình mạng Internet Wi-Fi băng thông rộng

Câu 12: Quyền hạn và nghĩa vụ của Cán bộ thôn, tổ dân phố đối với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành được quy định như thế nào?

A. Được cấp tài khoản công chức để phê duyệt các thủ tục hành chính thay cấp xã

B. Được cấp tài khoản, phân quyền truy cập phù hợp (không phải tài khoản công chức) để nhận, truyền đạt thông tin chỉ đạo

C. Được tự do xây dựng cổng thông tin điện tử hoặc ứng dụng quản lý riêng cho thôn

D. Không được phép truy cập vào bất kỳ hệ thống mạng điều hành nào của thành phố

Câu 13: Tổ công nghệ số cộng đồng có trách nhiệm báo cáo kết quả hoạt động định kỳ về UBND cấp xã theo tần suất nào?

A. Định kỳ hằng tuần

B. Định kỳ hằng tháng

C. Định kỳ hằng quý

D. Định kỳ hằng năm

Câu 14: Hạ tầng, thiết bị nào sau đây được ưu tiên triển khai RIÊNG cho khu vực đô thị (phường, tổ dân phố)?

A. Hệ thống bản đồ nền GIS phục vụ sản xuất lâm nghiệp và trồng trọt

B. Các thiết bị sóng vệ tinh tại khu vực lõm sóng di động

C. Bảng điện tử/màn hình công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền tại khu dân cư (nơi có điều kiện), ưu tiên thực hiện qua hình thức xã hội hóa.

D. Hệ thống truyền thanh IP kết nối với Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

Câu 15: Ứng dụng nào sau đây được Trung ương/thành phố/phường ưu tiên triển khai cho Tổ dân phố

A. DaNang Smart City - Nền tảng Công dân số; VNeID.

B. Cổng góp ý thành phố, Tổng đài 1022 tiếp nhận, xử lý phản ánh hiện trường đô thị.

C. Ứng dụng "Tổ dân phố số"; Sàn giao dịch thương mại điện tử Đà Nẵng, Ứng dụng Bản đồ mua sắm trực tuyến thành phố.

D. Tất cả các phương án trên